

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU CHI THÁNG 03 NĂM 2023

TT	Nội dung thu	Tồn đầu kỳ	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	THU THỎA THUẬN	286.243.544	405.795.000	353.774.308	338.264.236
1	Tổ chức phục vụ bán trú	59.505.399	106.850.000	88.328.400	78.026.999
2	Học 2 buổi	33.286.897	160.275.000	146.930.108	46.631.789
3	Anh văn tăng cường	30.742.532	64.110.000	56.919.600	37.932.932
4	Phục vụ ăn sáng	19.385.868	53.190.000	48.576.400	23.999.468
5	Thiết bị vật dụng bán trú	55.989.848		3.206.800	52.783.048
6	Vệ sinh bán trú	87.333.000	21.370.000	9.813.000	98.890.000
II	THU HỘ CHI HỘ	972.658.924	1.240.004.931	1.153.858.415	1.058.805.440
1	Tiền ăn bán trú	578.192.000	688.260.000	611.790.000	654.662.000
2	Tiền ăn sáng	192.094.004	230.856.000	205.236.000	217.714.004
3	Bảo hiểm y tế học sinh	112.289.484	11.972.931	422.415	123.840.000
4	Bảo hiểm tai nạn học sinh	5.220.000			5.220.000
5	In đề thi, giấy kiểm tra	17.142.584	24.000		17.166.584
6	Nước uống bán trú	29.132.452	12.822.000	11.040.000	30.914.452
7	Tin nhắn điện tử	4.448.400			4.448.400
8	Anh văn bán ngữ	30.460.000	210.590.000	237.610.000	3.440.000
9	Kỹ năng sống	3.680.000	85.480.000	87.760.000	1.400.000
10	Khác (CP bảo hành công trình)	-	-	-	-
III	THU SXKD - DỊCH VỤ	178.045.830	28.743.000	-	206.788.830
1	Căn tin	80.800.000	-	-	80.800.000
2	Anh văn bán ngữ	58.138.431	20.343.000		78.481.431
3	Kỹ năng sống	27.504.600	8.400.000		35.904.600
4	Lãi Ngân hàng	2.602.799			2.602.799
5	Khác	9.000.000			9.000.000
III	THU KHÁC	482.273.624	-	-	482.273.624
1	Cải cách tiền lương NH	392.672.133			392.672.133
2	PT sự nghiệp ngân hàng	48.586.496			48.586.496
3	PL ngân hàng	41.014.995		-	41.014.995
IV	NGÂN SÁCH	812.277.154	11.911.344.000	1.627.640.094	11.095.981.060
1	Thường xuyên	103.215.106	7.183.794.000	1.627.640.094	5.659.369.012
2	Cải cách tiền lương				-
3	Cải cách tiền lương không TX (14)	709.062.048	4.727.550.000		5.436.612.048
4	Không thường xuyên		-	-	-
V	CÁC QUỸ NGÂN HÀNG	765.162.484	-	12.400.000	752.762.484
1	Quỹ phúc lợi	199.824.425		12.400.000	187.424.425
2	Quỹ phát triển sự nghiệp	455.637.967			455.637.967
3	Quỹ khen thưởng	41.018.609			41.018.609
4	Quỹ ổn định thu nhập	67.491.483			67.491.483
5	Quỹ khác (000)	1.190.000			1.190.000
VI	TẠM ỨNG	-	-	-	-
		-			-
	TỔNG CỘNG	3.496.661.560	13.585.886.931	3.147.672.817	13.934.875.674

Ngân sách	TG ngân hàng	Tiền mặt	Tổng tiền
11.095.981.060	2.823.374.862	15.519.752	13.934.875.674

KẾ TOÁN


Võ Thị Huỳnh Ngọc

Ngày 31 tháng 03 năm 2023
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN QUỐC TOẢN
Hà Ngọc Thạch
